

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
về dầu nhờn động cơ đốt trong”**

Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong”, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong”¹.

¹ Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong”, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này QCVN 14:2018/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhớt động cơ đốt trong và Sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhớt động cơ đốt trong².

Điều 2.³ Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/7/2018.

Điều 3.⁴ Thời hạn chuyển tiếp

1. Kể từ ngày 15/9/2019, sản phẩm dầu nhớt động cơ đốt trong sản xuất, pha chế, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường phải áp dụng các quy định của QCVN 14:2018/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN.

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhớt động cơ đốt trong.”

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhớt động cơ đốt trong”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

³ Điều 2, Điều 3 của Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhớt động cơ đốt trong”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn và triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết.

3. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhớt động cơ đốt trong”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

2. Dầu nhờn động cơ đốt trong sản xuất, pha chế, nhập khẩu đã được lưu thông trên thị trường trước ngày 15/9/2019 tiếp tục được lưu thông trên thị trường cho đến hết ngày 15/9/2021.

Điều 4. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 07/VBHN-BKHCHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2019

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Tùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 14:2018/BKHCN

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG**

***National technical regulation on Requirement for lubricating
oils for Internal Combustion Engines***

HÀ NỘI - 2018

Lời nói đầu⁵

QCVN 14:2018/BKHCN do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dầu nhớt động cơ đốt trong biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

⁵ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhớt động cơ đốt trong ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhớt động cơ đốt trong”, có lời nói đầu như sau:

“Sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của QCVN 14:2018/BKHCN.

Sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhớt động cơ đốt trong biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ .”.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG

National technical regulation on Requirement for lubricating oils for Internal Combustion Engines

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1.⁶ Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định mức giới hạn đối với các chỉ tiêu kỹ thuật và các yêu cầu về quản lý chất lượng đối với dầu nhờn dùng cho động cơ đốt trong 2 kỳ “2T” hoặc 4 kỳ “4T” có mã HS là 2710.19.43 trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành.

Quy chuẩn kỹ thuật này không áp dụng đối với dầu nhờn động cơ đốt trong dùng trong mục đích an ninh, quốc phòng.

1.2. Đối tượng áp dụng

1.2.1. Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc nhập khẩu, sản xuất, pha chế, phân phối và bán lẻ dầu nhờn động cơ đốt trong tại Việt Nam.

1.2.2. Các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn kỹ thuật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Dầu nhờn động cơ đốt trong (sau đây gọi tắt là dầu nhờn động cơ): Là dầu nhờn được sử dụng cho động cơ đốt trong 4 kỳ và 2 kỳ, bao gồm:

- Dầu gốc khoáng: Dầu được sản xuất có nguồn gốc từ dầu mỏ qua quá trình chưng cất và xử lý
- Dầu tổng hợp: Dầu được tạo ra bằng các phản ứng hóa học từ các hợp chất ban đầu
- Dầu bán tổng hợp: Sản phẩm pha trộn giữa dầu gốc khoáng và dầu tổng hợp

⁶ Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 1 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dầu nhờn động cơ đốt trong sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

1.3.2. Dầu nhớt động cơ 4 kỳ: Dầu nhớt được sử dụng cho động cơ đốt trong 4 kỳ (động cơ bốn chu trình)

1.3.3. Dầu nhớt động cơ 2 kỳ: Dầu nhớt được sử dụng cho động cơ đốt trong 2 kỳ (động cơ hai chu trình)

1.3.4. Phụ gia: là những hợp chất vô cơ, hữu cơ hoặc những nguyên tố hóa học được bổ sung vào dầu nhớt động cơ đốt trong nhằm nâng cao hay mang lại những tính chất mong muốn.

1.4. Phân loại cấp tính năng dầu nhớt động cơ đốt trong

Các loại dầu nhớt động cơ đốt trong dùng cho động cơ 4 kỳ và 2 kỳ dùng cho động cơ xăng, động cơ diezen hoặc dùng cho cả động cơ xăng và diezen có các ký hiệu phân cấp tính năng phải đáp ứng tiêu chuẩn công bố của nhà sản xuất (phù hợp với các tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn quốc tế).

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Phân cấp độ nhớt: Các cấp độ nhớt động học của các loại dầu nhớt động cơ đốt trong phải đáp ứng các tiêu chuẩn công bố của nhà sản xuất (phù hợp với cấp độ nhớt của SAE hoặc các tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn quốc tế).

2.2. Các chỉ tiêu hóa lý bắt buộc và các mức giới hạn của dầu nhớt động cơ đốt trong nêu tại mục 1.3.1 được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1: Các chỉ tiêu hóa lý bắt buộc và mức giới hạn

Tên chỉ tiêu	Mức giới hạn		Phương pháp thử
	Dầu nhớt động cơ 4 kỳ	Dầu nhớt động cơ 2 kỳ	
1. ⁷ Độ nhớt động học, mm ² /s (cSt)	Công bố	Ở 100°C Không nhỏ hơn 6,5	TCVN 3171:2011 (ASTM D445-11) hoặc ISO 3104:1994

⁷ Chỉ tiêu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dầu nhớt động cơ đốt trong sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhớt động cơ đốt trong, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

2. Chỉ số độ nhớt, không nhỏ hơn	95	-	TCVN 6019:2010 (ASTM D2270-04)
3. Trị số kiềm tổng (TBN), mg KOH, không nhỏ hơn	4,0	-	TCVN 3167:2008 (ASTM D2896-07a)
4. Nhiệt độ chớp cháy cốc hở, °C, không nhỏ hơn	180	-	TCVN 2699:1995 hoặc TCVN 7498:2005 (ASTM D92-02b)
5. ⁸ Độ tạo bọt/mức ổn định, ml, theo chu kỳ 2, không lớn hơn - Đối với dầu nhờn động cơ đốt trong không thuộc ngành hàng hải - Đối với dầu nhờn động cơ đốt trong thuộc ngành hàng hải	50/0 Công bố	- -	ASTM D892-13 hoặc ISO 6247:1998
6. Tổng hàm lượng kim loại Ca, Mg, Zn, % khối lượng, không nhỏ hơn	0,1	-	TCVN 7866:2008 (ASTM D4951-06) hoặc ASTM D5185-13e1 hoặc ASTM D4628-05
7. ⁹ Hàm lượng nước, % thể tích, không lớn hơn - Đối với dầu nhờn động cơ đốt trong không thuộc ngành hàng hải	0,05 0,1	0,05 0,1	TCVN 2692:2007 (ASTM D95-05e1) hoặc TCVN 3182:2013-Quy trình C (ASTM D6304-07)

⁸ Chỉ tiêu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dầu nhờn động cơ đốt trong sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

⁹ Chỉ tiêu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dầu nhờn động cơ đốt trong sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

- Đối với dầu nhờn động cơ đốt trong thuộc ngành hàng hải			
8. ¹⁰ Ăn mòn tấm đồng (ở 100 ⁰ C, trong 3 giờ)	Loại 1	-	TCVN 2694:2007 (ASTM D130-04e1)
9. ¹¹ Cặn cơ học (cặn pentan), % khối lượng, không lớn hơn	0,1	-	ASTM D4055-04
10. ¹² Tro sunfat % khối lượng, không lớn hơn			
- Đối với dầu nhờn động cơ đốt trong không thuộc ngành hàng hải	-	0,18	TCVN 2689:2007 (ASTM D874-06)
- Đối với dầu nhờn động cơ đốt trong thuộc ngành hàng hải	-	Công bố	hoặc ISO 3987:2010

2.3. Phụ gia

Các loại phụ gia sử dụng để pha chế dầu nhờn động cơ đốt trong phải đảm bảo phù hợp các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường và không được gây

¹⁰ Chỉ tiêu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dầu nhờn động cơ đốt trong sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

¹¹ Chỉ tiêu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dầu nhờn động cơ đốt trong sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

¹² Chỉ tiêu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dầu nhờn động cơ đốt trong sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

hồng cho động cơ cũng như hệ thống tồn trữ, bảo quản, vận chuyển và phân phối sản phẩm.

2.4. Ghi nhãn

Dầu nhờn động cơ đốt trong lưu thông trên thị trường phải đảm bảo được việc ghi nhãn theo quy định hiện hành. Trường hợp dầu nhờn động cơ đốt trong được đóng gói sẵn, trên bao bì của dầu nhờn động cơ đốt trong phải ghi nhãn một cách rõ ràng, dễ đọc. Nhãn gắn trên bao bì phải bền và không bị bong, rách, mờ trong quá trình vận chuyển. Nội dung tối thiểu của nhãn phải bao gồm:

- + Tên hàng hóa (ghi rõ loại động cơ sử dụng 2 kỳ “2T” hoặc 4 kỳ “4T”)¹³;
- + Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa;
- + Xuất xứ hàng hóa;
- + Thể tích/Khối lượng;
- + Đặc tính kỹ thuật (cấp độ nhớt, cấp tính năng);
- + Hướng dẫn sử dụng, bảo quản (trường hợp dầu nhờn động cơ đốt trong cho ngành hàng hải thì ghi rõ “dùng cho hàng hải”,...) ¹⁴;
- + Thông tin cảnh báo.

3.1. Lấy mẫu

Mẫu để xác định các chỉ tiêu kỹ thuật quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật này được lấy theo TCVN 2715:1995 (ISO 3710:1988, ASTM D4057:1988) *Chất lỏng dầu mỏ - Lấy mẫu thủ công*.

¹³ Cụm từ “Tên hàng hóa (ghi rõ loại động cơ sử dụng 2 kỳ “2T” hoặc 4 kỳ “4T”)” được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dầu nhờn động cơ đốt trong sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

¹⁴ Cụm từ “Hướng dẫn sử dụng, bảo quản (trường hợp dầu nhờn động cơ đốt trong cho ngành hàng hải thì ghi rõ “dùng cho hàng hải”,...)” được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dầu nhờn động cơ đốt trong sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

3.2.¹⁵ Phương pháp thử:

- TCVN 3182:2013 quy trình C (ASTM D6304-07) Sản phẩm dầu mỏ, dầu bôi trơn và phụ gia - Xác định nước bằng chuẩn độ điện lượng Karl Fischer.

- ASTM D4055-02 Standard Test Method for Pentane Insolubles by Membrane Filtration (Phương pháp xác định cặn Pentan bằng màng lọc) thay thế bằng ASTM D4055-04 Standard Test Method for Pentane Insolubles by Membrane Filtration (Phương pháp xác định cặn Pentan bằng màng lọc).

4. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

4.1. Dầu nhờn động cơ đốt trong sản xuất, pha chế, nhập khẩu phải được công bố hợp quy phù hợp với các quy định tại mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật này và phải được gắn dấu hợp quy CR trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

4.2. Việc công bố hợp quy dầu nhờn động cơ đốt trong sản xuất, pha chế, nhập khẩu phù hợp với các quy định kỹ thuật tại mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật này căn cứ trên cơ sở kết quả thực hiện chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp hoặc tổ chức chứng nhận đã được thừa nhận theo quy định của pháp luật. Việc công bố hợp quy thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012.

Việc kiểm tra chất lượng dầu nhờn động cơ đốt trong nhập khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN ngày 16/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

¹⁵ Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 3 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dầu nhờn động cơ đốt trong sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

4.3. Các phương thức đánh giá sự phù hợp và nguyên tắc áp dụng được quy định tại Điều 5 và Phụ lục II của Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4.3.1. Đối với dầu nhờn động cơ đốt trong được sản xuất, pha chế trong nước áp dụng chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 (Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất) tại cơ sở sản xuất, pha chế. Trường hợp cơ sở sản xuất, pha chế không thể áp dụng các yêu cầu đảm bảo chất lượng theo phương thức 5 thì phải áp dụng theo phương thức 7.

4.3.2. Đối với dầu nhờn động cơ đốt trong nhập khẩu áp dụng chứng nhận hợp quy theo phương thức 7 (Thử nghiệm mẫu đại diện, đánh giá sự phù hợp của lô sản phẩm hàng hóa) đối với từng lô dầu nhờn động cơ đốt trong nhập khẩu. Trường hợp cơ sở sản xuất có yêu cầu chứng nhận tại cơ sở sản xuất, pha chế tại nguồn thì áp dụng chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 được quy định tại mục 4.3.1

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, pha chế Dầu nhờn động cơ đốt trong phải thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng với nội dung không được trái với Quy chuẩn kỹ thuật này, đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và tiêu chuẩn đã công bố áp dụng.

5.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, pha chế, nhập khẩu dầu nhờn động cơ đốt trong phải thực hiện công bố hợp quy theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này.

5.3. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ dầu nhờn động cơ đốt trong phải đảm bảo chất lượng dầu nhờn động cơ theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm đề xuất, kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chuẩn kỹ thuật này.

6.2.¹⁶ Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. Trường hợp dầu nhớt dùng cho động cơ đốt trong 2 kỳ “2T” hoặc 4 kỳ “4T” có sự thay đổi về mã HS, các tiêu chuẩn viện dẫn tại Quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng./.

¹⁶ Mục này sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 4 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dầu nhớt động cơ đốt trong sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhớt động cơ đốt trong, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.